

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒;

Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: **Giảng viên** ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: **Kinh tế**; Chuyên ngành: **Kinh tế học**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN TẤN VINH

2. Ngày tháng năm sinh: 03-12-1974; Nam ☒; Nữ ☐;

Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Phường Thanh Hà, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 20, đường 26, Phường Phước Long B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại di động: 0913. 198. 155;

Địa chỉ e-mail: vinhnt@hcma2.edu.vn

6. Địa chỉ liên hệ: Số 99, đường Man Thiện, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại di động: 0913.198.155; E-mail: vinhnt@hcma2.edu.vn

7. Quá trình công tác:

- Từ năm 1999 đến năm 2006: Giảng viên Khoa Kinh tế phát triển, Phân viện Thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (nay là Học viện Chính trị khu vực II);

- Từ năm 2006 đến năm 2008: Phó Trưởng phòng Tổng hợp, sau là Trưởng phòng Tổng hợp, Học viện Chính trị - Hành chính khu vực II;

- Từ năm 2008 đến năm 2010: Phó Trưởng phòng Tài vụ, Học viện Chính trị - Hành chính khu vực II;

- Từ năm 2010 đến năm 2015: Trưởng phòng Kế hoạch - Tài vụ, Học viện Chính trị khu vực II;

- Từ năm 2015 đến nay: Phó Giám đốc Học viện Chính trị khu vực II.

Chức vụ hiện nay: Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Học viện Chính trị khu vực II;

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Giám đốc Học viện Chính trị khu vực II;

Cơ quan công tác hiện nay: Học viện Chính trị khu vực II thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Địa chỉ cơ quan: Số 99, đường Man Thiện, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh;

Điện thoại cơ quan: (028) 38966704; Địa chỉ e-mail: info@hcma2.vn;

Fax: (028) 38963245.

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 26 tháng 8 năm 1998, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Toán điều khiển kinh tế.

Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 20 tháng 9 năm 2004, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế phát triển.

Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 17 tháng 2 năm 2012, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế học.

Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu

13.1. Hướng nghiên cứu về đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, trong đó tập trung vào tác động FDI đối với sự phát triển của nền kinh tế

*** Ý tưởng nghiên cứu**

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng vai trò quan trọng đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế tại Việt Nam. FDI bổ sung cho nguồn vốn đầu tư,

cung cấp công nghệ mới, giải quyết việc làm, phát triển nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và mở rộng thị trường xuất khẩu. Tuy nhiên, FDI đã và đang tạo ra nhiều vấn đề ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế, chất lượng cuộc sống. Việc đánh giá đúng vai trò của FDI đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian qua cũng như vị thế của nó trong quá trình tái cơ cấu và chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam hiện nay là vấn đề có ý nghĩa quan trọng.

Với ý tưởng đó, hướng nghiên cứu chính của tôi là nghiên cứu làm rõ các vấn đề lý luận liên quan đến FDI, vai trò, tác động của FDI đến tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; đánh giá thực trạng về tình hình thu hút và sử dụng FDI, tác động của FDI đến nền kinh tế Việt Nam thông qua các chỉ số về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đặc biệt, tập trung nghiên cứu chuyên sâu tác động của FDI đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế thông qua đề xuất mô hình kinh tế lượng xem xét tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; từ đó đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm phát huy những tác động tích cực và hạn chế tác động tiêu cực của FDI đến nền kinh tế Việt Nam, nâng cao hiệu quả thu hút và sử dụng FDI góp phần phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

** Những kết quả đạt được trong nghiên cứu*

- Làm rõ sự ảnh hưởng, tác động của FDI đối với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam; FDI có mối quan hệ biện chứng với sự phát triển kinh tế. FDI có thể tác động toàn bộ đến cơ cấu ngành kinh tế theo cả hai chiều. Nếu quốc gia nào có các chính sách khuyến khích phù hợp sẽ thu hút được nguồn lực FDI, tạo động lực cho quá trình phát triển kinh tế.

- Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm thu hút và sử dụng có hiệu quả FDI của một số quốc gia trên thế giới, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam như: sử dụng kết hợp đồng thời các chính sách để hỗ trợ phát triển; sử dụng các chính sách mới bên cạnh việc duy trì các chính sách hỗ trợ truyền thống;

- Đánh giá cụ thể và đưa ra được những luận điểm, minh chứng xác đáng về tác động của FDI đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế thông qua đề xuất mô hình kinh tế lượng xem xét tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; từ đó đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm phát huy những tác động tích cực và hạn chế tác động tiêu cực của FDI đến nền kinh tế Việt Nam, nâng cao hiệu quả thu hút và sử dụng FDI góp phần phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

** Một số công trình tiêu biểu trong hướng nghiên cứu*

- Chủ biên cuốn sách chuyên khảo: *Đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh* (Nxb Lý luận Chính trị, 2012); *Liên kết vùng trong thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở vùng Đông Nam bộ - Thực trạng và giải pháp*, (Nxb Lý luận Chính trị, 2017).

- Chủ nhiệm đề tài khoa học: *Giải pháp đẩy mạnh FDI trong lĩnh vực công nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh* (Đề tài cấp Cơ sở, 2006); *Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế TP. Hồ Chí Minh* (Đề tài cấp Cơ sở, 2009); *Liên kết vùng trong thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vùng Đông Nam bộ - Thực trạng và giải pháp* (Đề tài cấp Cơ sở, 2013); *Đánh giá ảnh hưởng của TPP đến hoạt động thu hút FDI ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam* (Đề tài cấp Cơ sở, 2016);

- 02 bài báo quốc tế: *The Role of Foreign Direct Investment and trade on Enviromental Quanlity in Vietnam* (*Journal of Asian Finance, Economic and Business*, 2020); *The Impact of Foreign Direct Investment, Human Capital on Labour Productivity in Viet Nam* (*International Journal of Economics and Finance*, 2019);

- Các bài viết đăng tạp chí chuyên ngành trong nước: *FDI đối với phát triển công nghiệp ở Tây Ninh* (Tạp chí Công nghiệp Vietnam Industrial Review, 2003); *Thực trạng và giải pháp thu hút nguồn vốn FDI ở Tây Ninh trong giai đoạn hiện nay* (Tạp chí Khoa học Chính trị, 2003); *Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tới quá trình phát triển kinh tế Việt Nam* (Tạp chí Khoa học Chính trị, 2005); *Đánh giá hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài trong phát triển công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh* (Tạp chí Khoa học Chính trị, 2006); *Liên kết vùng trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam* (Tạp chí Kinh tế và quản lý, 2015); *Thu hút FDI ở khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh* (Tạp chí Khoa học Chính trị, 2016); *Đầu tư trực tiếp nước ngoài trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế ở TP. Hồ Chí Minh* (Tạp chí Kinh tế và quản lý, 2016); *Giải pháp chống chuyển giá tại các doanh nghiệp FDI trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh* (Tạp chí Kinh tế và Dự báo, 2016); *FDI đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành của Thành phố Hồ Chí Minh* (Tạp chí Khoa học Chính trị, 2017); *Nhìn*

lại giá trị của FDI ở Việt Nam sau gần 30 năm (Kinh tế và Dự báo, 2017); *Đầu tư của Ấn Độ vào Việt Nam: Từ chính sách đến hành động* (Tập chí Những vấn đề kinh tế & chính trị thế giới, 2017); *FDI với chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành của TP. Hồ Chí Minh* (Tập chí Khoa học Chính trị, 2017); *Kết quả và giải pháp huy động hiệu quả các nguồn vốn đầu tư của Việt Nam* (Tập chí Lý luận chính trị, 2017); *Đột phá trong thu hút FDI vào phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng* (Tập chí Khoa học Chính trị, 2018).

13.2. Hướng nghiên cứu về tăng trưởng kinh tế và mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam

*** Ý tưởng nghiên cứu**

Sau hơn 30 năm Đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung và tăng trưởng kinh tế nói riêng. Tăng trưởng kinh tế được duy trì liên tục, ở mức tương đối cao trong hơn một thập kỷ. Đi kèm với tăng trưởng kinh tế là việc huy động các nguồn lực cho tăng trưởng, trình độ, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, đời sống của người dân được cải thiện rõ rệt.

Một trong những nguyên nhân đạt đến thành công này chính là việc lựa chọn mô hình tăng trưởng kinh tế phù hợp với bối cảnh kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, trong những năm trở lại đây, nền kinh tế nước ta đã bắt đầu bộc lộ những dấu hiệu bất ổn, đòi hỏi phải có sự thay đổi để phát triển bền vững. Chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng của Việt Nam đã được khẳng định tại Đại hội lần thứ XI và lần thứ XII của Đảng, trong đó nhấn mạnh tăng trưởng cần chuyển dần sang dựa vào công nghệ, dựa vào đổi mới sáng tạo.

Với ý tưởng đó, hướng nghiên cứu chính của tôi là nghiên cứu làm rõ các vấn đề lý luận liên quan đến tăng trưởng kinh tế; nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, chất lượng tăng trưởng, phát triển bền vững và đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Trên cơ sở đánh giá những ưu nhược điểm của mô hình tăng trưởng kinh tế hiện tại, tác giả đề xuất mô hình tăng trưởng kinh tế mới cũng như những giải pháp phù hợp để áp dụng mô hình kinh tế mới phù hợp hơn.

*** Những kết quả đạt được trong nghiên cứu**

❖ Từ nghiên cứu lý thuyết về tăng trưởng kinh tế và mô hình tăng trưởng kinh tế, ứng viên rút ra một số luận điểm sau:

- Tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào nhiều nhân tố tác động, trong đó có hệ thống các nguồn lực như vốn, công nghệ, lao động... Đặc biệt, vấn đề được đề cập nhiều đó là tăng trưởng kinh tế bền vững, tăng trưởng gắn với tái cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế.

- Mô hình tăng trưởng kinh tế hiện nay phải là mô hình tăng trưởng dựa trên nền tảng đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế tuần hoàn. Các quốc gia như Việt Nam cần phải nắm bắt xu hướng kinh tế của thế giới để chuyển đổi mô hình tăng trưởng phù hợp.

❖ Từ nghiên cứu thực trạng tăng trưởng kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế, ứng viên rút ra những luận điểm sau:

- Trong giai đoạn hơn 30 năm kể từ khi Đổi mới (1986), kinh tế - xã hội của Việt Nam đã có nhiều chuyển biến mạnh mẽ. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, mô hình tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào thâm dụng lao động, công nghệ lạc hậu với nền sản xuất và xuất khẩu hàng công nghiệp chế tạo, cũng như phụ thuộc không nhỏ vào nguồn vốn đầu tư nước ngoài hiện không còn thích hợp.

- Cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0 mang tính đột phá, tạo bước ngoặt mới buộc mọi quốc gia phải điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Động lực tăng trưởng chính của Việt Nam trong giai đoạn tới sẽ đến từ sự đột phá về tăng năng suất với mô hình tăng trưởng chuyển dần từ thâm dụng lao động sang thâm dụng vốn và tri thức; chuyển dần từ lượng sang chất; thúc đẩy công nghệ, sáng tạo, tinh thần doanh nhân, từ nền kinh tế tuyến tính sang nền kinh tế tuần hoàn.

❖ Hàm ý chính sách

- Thứ nhất, ổn định kinh tế vĩ mô, đây phải được xem là nền tảng, là nhân tố quyết định đến khả năng tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân trong dài hạn, đồng thời tạo dựng lòng tin của thị trường đối với các chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước.

- Thứ hai, ưu tiên các chính sách kinh tế tác động đến tổng cung: năng suất lao động, phát triển khoa học công nghệ và trí tuệ thông minh.

- Thứ ba, đổi mới tư duy trong phân bổ nguồn lực, lấy mục tiêu kinh tế vĩ mô và hiệu quả kinh tế làm căn cứ để phân bổ, đoạn tuyệt với cách phân bổ theo địa phương, kiểu phong trào.

- Đã hướng dẫn 13 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ.
- Đã hoàn thành 02 đề tài nhánh thuộc đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước; 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ; 03 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Tỉnh; 15 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Cơ sở;
- Đã công bố 43 bài báo và công trình khoa học, trong đó 08 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 14 cuốn sách, trong đó 14 cuốn sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2019;
- Bằng khen của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về “Đạt nhiều thành tích trong nghiên cứu khoa học năm 2017”;
- Bằng khen của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về đạt danh hiệu “Đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ 02 năm 2016 và 2017”;
- Giấy khen của Học viện Chính trị khu vực II về đạt thành tích: “Xuất sắc trong hoạt động khoa học năm 2006, 2007”; “Tốt trong hoạt động nghiên cứu khoa học 5 năm 2009 - 2013”;
- Bằng khen của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về đạt danh hiệu “Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2006 - 2010”;
- Bằng khen của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” 2 lần liên tục (2011-2012 và 2012-2013);
- Đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” năm 2014; năm 2017.
- Bằng khen của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về đạt danh hiệu “Đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ 02 năm học 2013-2014 và 2014 - 2015”.
- Đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở” trong năm liên tục từ năm 2011 đến năm 2019.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

- Về tiêu chuẩn:

+ Tôi đảm nhận nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu theo đúng chuyên môn được đào tạo, phù hợp với nhiệm vụ chính trị của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, cụ thể là: tốt nghiệp cử nhân Kinh tế tại Trường Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (1998), thạc sĩ Kinh tế tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2004), bảo vệ thành công luận án tiến sĩ Kinh tế tại Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (2012); tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị - hành chính tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2011),... Trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu, tôi luôn cố gắng học tập, không ngừng nỗ lực nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để cống hiến nhiều hơn cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo. *Điển hình như:* tham gia các khóa học ngoại ngữ, tin học, phương pháp giảng dạy hiện đại, chương trình nghiên cứu về quản lý kinh tế, kinh tế phát triển, chương trình bồi dưỡng giảng viên chuyên ngành kinh tế; tham gia các khóa học ngắn hạn ở cả trong và ngoài nước, các buổi hội thảo và hội nghị khoa học trong nước và quốc tế;

+ Bản thân nắm vững các mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình môn học được phân công đảm nhiệm, nắm bắt được các yêu cầu thực tiễn đối với chuyên ngành đào tạo;

+ Bản thân có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nghề, tận tụy vì sự nghiệp giáo dục; không ngừng phấn đấu vượt khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ của một nhà giáo - giảng viên cao cấp; tận tâm giảng dạy và hướng dẫn học viên trong học tập và nghiên cứu;

+ Phối hợp với đồng nghiệp trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học; luôn khiêm tốn, cầu thị học hỏi các đồng nghiệp và các bậc thầy đi trước; nhiệt tình giúp đỡ, bồi dưỡng thế hệ đồng nghiệp trẻ;

+ Về đủ sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp: có sức khoẻ tốt đáp ứng yêu cầu của một giảng viên.

+ Bản thân có lý lịch rõ ràng.

- Về nhiệm vụ:

+ Tham gia hoạt động giảng dạy, đào tạo thuộc lĩnh vực chuyên môn được phân công, trực tiếp giảng dạy môn Kinh tế học phát triển, Quản lý kinh tế, Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế, Kinh tế chính trị trong chương trình Cử nhân chính trị, Cao cấp lý luận chính trị, Cao cấp lý luận chính trị - hành chính, Cao học chuyên ngành Quản lý kinh tế;

chương trình các lớp dự nguồn tỉnh ủy các tỉnh phía Nam; đồng thời, bản thân luôn tự nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đạt chuẩn và vượt chuẩn theo quy định về tiêu chuẩn, chương trình đào tạo của Học viện; hướng dẫn và chấm các đề án, luận văn tốt nghiệp;

+ Tham gia xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo; đề xuất chủ trương, phương hướng và biện pháp phát triển chuyên ngành được giao đảm nhiệm;

+ Tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo; chủ động đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học viên;

+ Tham gia thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh/Thành phố, cấp Cơ sở; biên soạn sách giáo trình, sách chuyên khảo, bài báo khoa học... phục vụ đắc lực cho hoạt động đào tạo, giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Học viện. Tham gia đánh giá các đề tài nghiên cứu khoa học; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo; Ủy viên của Hội đồng biên tập Tạp chí Khoa học Chính trị.

+ Gương mẫu chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy chế của Học viện; thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân tại nơi sinh sống;

+ Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín của một nhà giáo; thường xuyên rèn luyện phẩm chất đạo đức, phấn đấu học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ và hợp tác với các đồng nghiệp trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy và các công tác khác.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 19 năm.

(Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ).

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành).

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án tốt nghiệp ĐH, cao cấp lý luận chính trị	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2010-2011				3	430		516
2	2011-2012				5	460		552
3	2012-2013				9	380		456

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án tốt nghiệp ĐH, cao cấp lý luận chính trị	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
4	2013-2014				12	350		300
5	2014-2015				3	300		360
6	2015-2016			2	0	280	20	360
7	2016-2017			3	7	320	60	456
3 năm học cuối								
8	2017-2018			2	5	300	30	396
9	2018-2019	1		3	0	250	60	372
10	2019-2020	1		3	0	250	60	372

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:.....

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học Đại học ☐; Tại nước:.....; Từ năm..... đến năm.....

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước:.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:..... số bằng:.....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):.....

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:.....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ Tiếng Anh trình độ C.

4. Hướng dẫn thành công 01 NCS làm luận án TS và 13 học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từđến....	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVC H/C K2/B SNT	Chính	Phụ			
1.	Nguyễn Thị Oanh	X		X		10-2016 đến 6-2019	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	2019

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từđến....	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVC H/C K2/B SNT	Chính	Phụ			
2.	Hồ Minh Trung		X	X		02-2015 đến 12-2015	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	2015
3.	Nguyễn Thị Oanh		X	X		07-2015 đến 12-2015	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	2015
4.	Trần Thị Thúy Hồng		X	X		01-2017 đến 6-2017	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	2017
5.	Võ Quang Hợp		X	X		01-2017 đến 6-2017	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	2017
6.	Bùi Văn Đoàn		X	X		01-2017 đến 6-2017	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	2017
7.	Châu Văn Bo		X	X		04-2018 đến 10-2018	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	2018
8.	Trần Văn Hà		X	X		04-2018 đến 10-2018	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	2018
9	Sái Công Sim		X	X		03-2019 đến 12-2019	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	2019
10	Nguyễn Hồng Quảng		X	X		03-2019 đến 12-2019	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	2019

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từđến....	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVC H/C K2/B SNT	Chính	Phụ			
11.	Trần Ngọc Hoàng		X	X		04-2019 đến 12-2019	Đại học Phan Thiết	2020
12.	Trần Huỳnh Hón		X	X		04-2019 đến 12-2019	Đại học Phan Thiết	2020
13.	Châu Văn Hùng		X	X		04-2019 đến 12-2019	Đại học Phan Thiết	2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phản biên soạn	Xác nhận của CS GDĐH
TRƯỚC KHI BẢO VỆ HỌC VỊ TIẾN SĨ						
1.	Đề cương bài giảng Kinh tế học phát triển	GT	Nxb. Lý luận chính trị, 2008		TG biên soạn trang (119-144)	Giấy xác nhận số 06- GXN/HVCTKVII ngày 20/6/2020 của Giám đốc Học viện Chính trị khu vực II
2.	Phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội vùng Tây Nam bộ - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn	CK	Nxb. Chính trị quốc gia, 2010	12	TG biên soạn	Giấy xác nhận số 06- GXN/HVCTKVII ngày 20/6/2020 của Giám đốc Học viện Chính trị khu vực II

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDĐH
7.	Liên kết vùng trong thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở vùng Đông Nam bộ	CK	Nxb. Lý luận chính trị, 2017	1	MM	Giấy xác nhận số 06- GXN/HVCTKVII ngày 20/6/2020 của Giám đốc Học viện Chính trị khu vực II
8.	Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế	TK	Nxb. Chính trị quốc gia, 2017	1	MM	Giấy xác nhận số 06- GXN/HVCTKVII ngày 20/6/2020 của Giám đốc Học viện Chính trị khu vực II
9.	Giáo trình Kinh tế học phát triển	GT	Nxb. Lý luận chính trị, 2017	8	CB, TG biên soạn trang (7-14; 176-206; 223-242)	Giấy xác nhận số 06- GXN/HVCTKVII ngày 20/6/2020 của Giám đốc Học viện Chính trị khu vực II
10.	Cách mạng công nghiệp 4.0 - Hỏi và đáp	TK	Nxb. Lao động - 2018	02	CB	Giấy xác nhận số 06- GXN/HVCTKVII ngày 20/6/2020 của Giám đốc Học viện Chính trị khu vực II
11.	Một số nội dung cơ bản trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII về phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh	TK	Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật - 2018	30	TG biên soạn trang (269 - 308)	Giấy xác nhận số 06- GXN/HVCTKVII ngày 20/6/20 của Giám đốc Học viện Chính trị khu vực II

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phản biên soạn	Xác nhận của CS GDĐH
7.	Liên kết vùng trong thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở vùng Đông Nam bộ	CK	Nxb. Lý luận chính trị, 2017	1	MM	Giấy xác nhận số 06- GXN/HVCTKVII ngày 20/6/2020 của Giám đốc Học viện Chính trị khu vực II
8.	Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế	TK	Nxb. Chính trị quốc gia, 2017	1	MM	Giấy xác nhận số 06- GXN/HVCTKVII ngày 20/6/2020 của Giám đốc Học viện Chính trị khu vực II
9.	Giáo trình Kinh tế học phát triển	GT	Nxb. Lý luận chính trị, 2017	8	CB, TG biên soạn trang (7-14; 176-206; 223-242)	Giấy xác nhận số 06- GXN/HVCTKVII ngày 20/6/2020 của Giám đốc Học viện Chính trị khu vực II
10.	Cách mạng công nghiệp 4.0 - Hỏi và đáp	TK	Nxb. Lao động - 2018	02	CB	Giấy xác nhận số 06- GXN/HVCTKVII ngày 20/6/2020 của Giám đốc Học viện Chính trị khu vực II
11.	Một số nội dung cơ bản trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII về phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh	TK	Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật - 2018	30	TG biên soạn trang (269 - 308)	Giấy xác nhận số 06- GXN/HVCTKVII ngày 20/6/20 của Giám đốc Học viện Chính trị khu vực II

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH
12.	Tinh gọn tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở các tỉnh Nam bộ	TK	Nxb. Lý luận chính trị - 2018	45	TG biên soạn trang (146 - 154)	Giấy xác nhận số 06- GXN/HVCTKVII ngày 20/6/2020 của Giám đốc Học viện Chính trị khu vực II
13.	Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các tỉnh Đông Nam bộ trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0	TK	Nxb. Lý luận chính trị - 2019	54	TG biên soạn trang (300 - 310)	Giấy xác nhận số 06- GXN/HVCTKVII ngày 20/6/2020 của Giám đốc Học viện Chính trị khu vực II
14.	Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam (Nghiên cứu trường hợp các tỉnh vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam)	CK	Nxb. Lý luận chính trị - 2019	05	CB	Giấy xác nhận số 06- GXN/HVCTKVII ngày 20/6/2020 của Giám đốc Học viện Chính trị khu vực II

- Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công nhận PGS (đối với ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS): 0

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phần ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang..... đến trang.....

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
TRƯỚC KHI BẢO VỆ HỌC VỊ TIẾN SĨ					
1.	Giải pháp đẩy mạnh đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh	CN	Cấp Cơ sở	4-2005 đến 3-2006	18-5-2006
2.	Nghiên cứu hội nhập AFTA, WTO những vấn đề cơ bản đặt ra đối với sản phẩm hàng hóa tỉnh Bến Tre	TK	Cấp Tỉnh	01-2005 đến 6-2006	12-8-2006
3.	Tác động từ việc Việt Nam gia nhập WTO đối với doanh nghiệp	TK	Cấp Cơ sở	01-2007 đến 12-2007	8-12-2007
4.	Phát huy lợi thế nguồn nhân lực trong quá trình CNH, HĐH ở Tp. Hồ Chí Minh đến năm 2020	CN	Cấp Cơ sở	01-2007 đến 12-2007	25-01-2008
5.	Xây dựng mô hình và cơ chế hoạt động Văn phòng Học viện Chính trị - Hành chính khu vực II nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học	CN	Cấp Cơ sở	12-2007 đến 12-2008	26-12-2008
6.	Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế TP. Hồ Chí Minh trong hội nhập quốc tế	CN	Cấp Cơ sở	01-2009 đến 12-2009	11-12-2009
7.	Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng kinh tế trọng điểm phía Nam thời kỳ hội nhập WTO	TK	Cấp Bộ	01-2009 đến 6-2010	23-7-2010
8.	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở các tỉnh vùng Đông Nam bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa	TK	B.09-33 Cấp Bộ	01-2009 đến 6-2010	15-8-2010

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
9.	Phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội vùng Đông Nam bộ trong tiến trình đổi mới - Thực trạng và giải pháp	TK	Cấp Cơ sở	01-2010 đến 12-2010	21-12-2010
10.	Nâng cao chất lượng hợp tác kinh tế giữa Lâm Đồng với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận giai đoạn 2010 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020	TK	Cấp Tỉnh	01-2010 đến 7-2011	22-7-2011
11.	Phát triển bền vững nông nghiệp - nông thôn ở vùng Đông Nam bộ	TK	Cấp Cơ sở	01-2011 đến 12-2011	26-12-2011
12.	Thu hút và sử dụng FDI phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng Đông Nam bộ	TK	Cấp Cơ sở	01-2011 đến 12-2011	23-11-2011
SAU KHI BẢO VỆ HỌC VỊ TIỀN SĨ					
13.	Công nghiệp phụ trợ vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	CN	Cấp Cơ sở	01-2012 đến 12-2012	21-12-2012
14.	Liên kết vùng trong thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vùng Đông Nam bộ - Thực trạng và giải pháp	CN	Cấp Cơ sở	01-2013 đến 12-2013	2-12-2013
15.	Thực trạng xây dựng thể chế pháp lý phát triển nền KTTT và hội nhập quốc tế đáp ứng yêu cầu nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa	CN	Đề tài nhánh thuộc đề tài cấp NN	1-2014 đến 6-2014	10-7-2014

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
16.	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	TK	Cấp Cơ sở	01-2014 đến 12-2014	11-12-2014
17.	Thực trạng giáo dục - đào tạo nguồn nhân lực vùng Nam bộ trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	CN	Đề tài nhánh thuộc đề tài cấp NN	3-2015 đến 9-2015	18-10-2015
18.	Hoạt động cung ứng dịch vụ công của cơ quan hành chính nhà nước các tỉnh Đông Nam bộ trong giai đoạn hiện nay	CN	B14-19 Cấp Bộ	01-2014 đến 6-2015	25-6-2015
19.	Đánh giá ảnh hưởng của TPP đến hoạt động thu hút FDI ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	CN	Cấp Cơ sở	01-2016 đến 12-2016	17-12-2016
20.	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong công tác xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước hiện nay (Qua nghiên cứu thực tiễn khu vực Đông Nam bộ)	CN	Cấp cơ sở trọng điểm	01-2017 đến 12-2017	15-12-2017
21.	Điều tra, đánh giá sự chuẩn bị của các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam khi Việt Nam gia nhập Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)	CN	Cấp Bộ	01-2017 đến 12-2018	16-12-2018
22.	Khảo sát thực trạng phát triển kinh tế biển vùng Duyên hải miền Trung	CN	Cấp Cơ sở	06-2018 đến 12-2018	26-12-2018

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
23.	Nghiên cứu và xây dựng mô hình du lịch dựa vào cộng đồng tỉnh Lâm Đồng	CN	Cấp Tỉnh	10-2017 đến 12-2019	08-11-2019
24.	Phát triển kinh tế tuần hoàn ở vùng Đông Nam Bộ	CN	Cấp cơ sở trọng điểm	01-2019 đến 12-2019	09-12-2019

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó Chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
TRƯỚC KHI BẢO VỆ HỌC VỊ TIẾN SĨ								
1.	FDI đối với phát triển công nghiệp ở Tây Ninh	1	Công nghiệp Vietnam Industrial Review	ISSN 0868 - 3778		10	40 - 42	2003
2.	FDI Role in Tây Ninh Province's Industrial Development	1	Economic development Review			106	14 - 16	2003
3.	Thực trạng và giải pháp thu hút nguồn vốn FDI ở Tây Ninh trong giai đoạn hiện nay	1	Tạp chí Khoa học Chính trị	ISSN 0868 - 3840		4	45 - 48	2003
4.	Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tới quá trình phát triển kinh tế Việt Nam	1	Tạp chí Khoa học Chính trị	ISSN 1859 - 3840		1	36 - 43	2005

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
5.	Chất lượng tăng trưởng kinh tế - những vấn đề lý luận và thực tiễn	1	Tạp chí Khoa học Chính trị	ISSN 1859 - 3840		6	40 - 45	2005
6.	Đánh giá hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài trong phát triển công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh	1	Tạp chí Khoa học Chính trị	ISSN 1859 - 0187		5	75 - 80	2006
7.	Hội nhập kinh tế - những vấn đề đặt ra đối với quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam	1	Tạp chí Sinh hoạt lý luận	ISSN 0868. 3247		4 (77)	3 - 7	2006
8.	Đô thị hóa trong phát triển bền vững ở Việt Nam	1	Tạp chí Sinh hoạt lý luận	ISSN 0868. 3247		1 (74)	51 - 55	2006
9.	Phát triển các ngành dịch vụ trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế	1	Tạp chí Khoa học Chính trị	ISSN 1859 - 0187		4	24 - 30	2007
SAU KHI BẢO VỆ HỌC VỊ TIỀN SĨ								
10.	Liên kết vùng trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	2	Tạp chí Kinh tế và quản lý	ISSN 1859- 4565		16	36 - 42	2015
11.	Thu hút FDI ở khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	1	Tạp chí Khoa học Chính trị	ISSN 1859- 0187		7	79 - 88	2016
12.	Giải pháp chống chuyển giá tại các doanh nghiệp FDI trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	2	Tạp chí Kinh tế và Dự báo	ISSN 0866- 7120		2	27 - 29	2016

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
13.	Đầu tư trực tiếp nước ngoài trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế ở Thành phố Hồ Chí Minh	1	Tạp chí Kinh tế và quản lý	ISSN 1859-4565		20	45 - 51	2016
14.	Tác động của Hiệp định thương mại Asean - Ấn Độ đến quan hệ Việt Nam - Ấn Độ trong lĩnh vực xuất khẩu, đầu tư	1	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Việt Nam - Ấn Độ: Bối cảnh mới, tầm nhìn mới				116-121	2016
15.	Phân tích SWOT của doanh nghiệp VN trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế	1	Tạp chí Phát triển & Hội nhập	ISSN 1859-428X		34 (44)	19 - 26	2017
16.	FDI đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành của Thành phố Hồ Chí Minh	1	Tạp chí Khoa học Chính trị	ISSN 1859-0187		1	85 - 91	2017
17.	Nhìn lại giá trị của FDI ở Việt Nam sau gần 30 năm	1	Tạp chí Kinh tế và Dự báo	ISSN 0866-7120		1	31 - 34	2017
18.	Một số vấn đề kinh tế vĩ mô của Việt Nam sau 30 năm đổi mới	1	Nghiên cứu Kinh tế	ISSN 0866 - 7489		5 (468)	3 - 11	2017
19.	Một số vấn đề sau 5 năm thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế	1	Tạp chí Kinh tế và Dự báo	ISSN 0866-7120		4	14 - 17	2017

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
20.	Đầu tư của Ấn Độ vào Việt Nam: Từ chính sách đến hành động	1	Tạp chí Những vấn đề kinh tế & chính trị thế giới	ISSN 0868-2984		1 (249)	65 - 70	2017
21.	Giải pháp đột phá trong nâng cao năng lực cạnh tranh của TP. Hồ Chí Minh	1	Tạp chí Khoa học Chính trị	ISSN 1859-0187		3	70 - 75	2017
22.	Giải pháp thúc đẩy liên kết vùng trong phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	1	Tạp chí Khoa học Chính trị	ISSN 1859-0187		4	73 - 80	2017
23.	Kết quả và giải pháp huy động hiệu quả các nguồn vốn đầu tư của Việt Nam	1	Tạp chí Lý luận chính trị	ISSN 2525-2585		6	58 - 63	2017
24.	Nhìn lại quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sau 30 năm đổi mới	1	Tạp chí Khoa học Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh	ISSN 1859-3453		55 (4)	115	2017
25.	Cải cách thiết chế quản lý kinh tế trong bối cảnh tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị	2	Tạp chí Khoa học Chính trị	ISSN 1859-0187		6	29 - 33	2017
26.	Công tác xây dựng đảng về chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ công chức tại các tỉnh, thành vùng Đông Nam bộ	2	Tạp chí Khoa học Chính trị	ISSN 1859-0187		9		2017

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
27.	Giải pháp xây dựng đội ngũ công chức, viên chức thực hiện cung ứng dịch vụ công ở vùng Đông Nam bộ	2	Tạp chí Khoa học Chính trị	ISSN 1859-0187		10		2017
28.	Đột phá trong thu hút FDI vào phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng	2	Tạp chí Khoa học Chính trị	ISSN 1859-0187				2018
29.	“Chiến lược hội nhập” cách mạng công nghiệp 4.0 của vùng Đông Nam bộ qua ma trận SWOT	1	Tạp chí Kinh tế và Dự báo	ISSN 0866-7120		8		2018
30.	Nâng cao hiệu quả thực thi chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo tại huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	2	Tạp chí Khoa học Chính trị	ISSN 1859-0187		6		2018
31.	Du lịch canh nông gắn với phát triển văn hóa cộng đồng tại Thành phố Bảo Lộc	1	Tạp chí Kinh tế và Dự báo	ISSN 0866-7120		02		2019
32.	Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam - Cơ hội và thách thức	1	Tạp chí Khoa học Chính trị	ISSN 1859-0187		02		2019
33.	The Impact of Foreign Direct Investment, Human Capital on Labour Productivity in Viet Nam	1	International Journal of Economics and Finance	ISSN 1916-971 (Print) ISSN 1916-9728 (Online)		11 (5)	97-102	2019

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
34.	Key Detreminants of Repurchase Intention toward Organic Cosmetics	1	Journal of Asian Finance, Economics and Business	ISSN 2288-4637		6 (3)	205-214	2019
35.	The impact of product market competition on debt ratio in Vietnam stock market	1	Academy of Accountin g and Financial Studies Journal	Print ISSN: 1096-3685; Online ISSN: 1528-2635		23 (4)	1-11	2019
36.	The impact of competition on Debt Ratio of Manufacturing Enterprises in Viet Nam	1	Journal of Manageme nt and Sustainabil ity				56-61	2019
37.	Kinh tế tuần hoàn - nền tảng phát triển bền vững ở Việt Nam	1	Tạp chí Khoa học Chính trị	ISSN 1859-0187		06		2019
38.	70 năm truyền thống Trường Đảng miền Nam - Học viện Chính trị khu vực II: Thành tựu và định hướng phát triển công tác quản trị cơ sở - vật chất	1	Tạp chí Khoa học Chính trị	ISSN 1859-0187		07		2019
39.	Impact of overconfident ceo on dividend policy: evidence in enterprises listed on hose of Vietnam	1	Academy of Entreprene urship Journal	ISSN 1528-2686-26-1-313		26 (1)	1-8	2020

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
40	The role of foreign direct investment, trade on environmental quality	1	Journal of Asian Finance, Economics and Business (JAFEB)	ISSN 2288-4637		26 (1)	289-294	2020
41.	Học viện chính trị khu vực II - Nơi giáo dục, bồi dưỡng lòng trung thành và yêu nước cho học viên	2	Tạp chí Khoa học Chính trị	ISSN 1859-0187		04		2020
42.	Legal, Institutional and Financial Solutions for the Sustainable Development Strategy of Inland Waterway Transport in Vietnam	2	Research in World Economy	ISSN 1923-3981 E-ISSN 1923-399X		11 (3)	151 - 170	2020
43.	A study on forecasting model of container cargo throughput of Vietnam's seaport	2	International Journal of e-Navigation and Maritime Economy	ISSN 2405-5352		14		2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: **08 bài.**

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không có

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Thủ tướng Chính phủ	Số 1449/QĐ-TTg ngày 23/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ	01

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 01.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

8.1. Đối với Chương trình Cao cấp lý luận chính trị

Tham gia Ban chỉ đạo triển khai Đề án 1677 của tại Học viện Chính trị khu vực II. Chương trình đã thu hút, tập hợp được các nhà khoa học trong Học viện nghiên cứu viết giáo trình phục vụ công tác đào tạo tại Học viện Chính trị khu vực II. Kết quả của Chương trình là 01 bộ giáo trình đào tạo Cao cấp lý luận chính trị đảm bảo tính khoa học và phù hợp với thực tiễn vùng Nam bộ.

8.2. Đối với Chương trình Cử nhân chính trị

Tham gia xây dựng, biên soạn chương trình một số học phần, chủ biên biên soạn giáo trình trong chương trình Cử nhân chính trị.

8.3. Đối với Chương trình Cao học

Năm 2016, tham gia Tiểu ban đào tạo Cao học chuyên ngành Chính sách công phối hợp với Viện Lãnh đạo học và Chính sách công, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Tham gia Ban Chỉ đạo chủ trì 07 chuyên ngành đào tạo Cao học tại Học viện II năm 2019.

8.4. Đối với Chương trình bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý dự nguồn cấp tỉnh

Tham gia xây dựng và hoàn thiện Chương trình bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý dự nguồn cấp tỉnh các tỉnh vùng Nam bộ. Chương trình bồi dưỡng có nội dung kiến thức đặc thù, gắn với thực tiễn vùng Nam bộ, đòi hỏi giảng viên tham gia giảng dạy phải thực sự am hiểu các vấn đề thực tiễn tại địa phương. Do đó, ứng viên luôn tích cực xây dựng và hoàn thiện nội dung

bài giảng, đề xuất những ý kiến để hoàn thiện nội dung chương trình và cách thức tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý dự nguồn cấp tỉnh.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Không.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 6 năm 2020

Người đăng ký



TS. Nguyễn Tấn Vinh

